



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017  
(đã được kiểm toán)

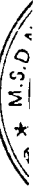
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

---

**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-38



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Lê Vương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Mai Xuân Ngoạt	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Nguyễn Quang Duy	Ủy viên	
Ông Phạm Văn Toàn	Ủy viên	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Đỗ Hùng Dương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vương Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Trần Dũng Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Ngọc Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Tô Hanh	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017
Bà Phạm Thị Ngọc Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26/05/2017
Ông Đinh Huy Dũng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017
Bà Trần Thị Kim Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2017

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



**Vương Ngọc Sơn**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 01 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2017, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 230.136.377.722 đồng, lỗ lũy kế là 281.360.367.257 đồng. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

### Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



**Vũ Xuân Biễn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2018

**Trương Thị Hoài Anh**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2018-002-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>150.723.958.235</b>	<b>151.480.646.315</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>25.000.672.722</b>	<b>13.880.027.622</b>
111	1. Tiền		25.000.672.722	13.880.027.622
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>10.554.993.400</b>	<b>30.600.585.202</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10.554.993.400	30.600.585.202
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>52.004.327.167</b>	<b>60.137.677.805</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30.787.378.079	39.199.550.582
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	2.164.654.903	3.018.973.184
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	20.480.468.939	19.299.853.414
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.428.174.754)	(1.380.699.375)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>36.871.794.305</b>	<b>32.511.308.079</b>
141	1. Hàng tồn kho		36.871.794.305	32.511.308.079
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>26.292.170.641</b>	<b>14.351.047.607</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	5.997.496.911	2.895.455.780
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.920.528.813	3.080.645.228
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	8.374.144.917	8.374.946.599
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>722.566.452.571</b>	<b>796.755.433.166</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>682.569.274.452</b>	<b>781.361.525.851</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	682.569.274.452	781.361.525.851
222	- Nguyên giá		1.663.840.530.254	1.667.808.385.433
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(981.271.255.802)	(886.446.859.582)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	-	-
228	- Nguyên giá		238.654.500	238.654.500
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(238.654.500)	(238.654.500)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>13</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
231	- Nguyên giá		5.785.803.477	5.785.803.477
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.785.803.477)	(5.785.803.477)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>10</b>	<b>91.957.200</b>	<b>91.957.200</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		91.957.200	91.957.200
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>4.417.446.100</b>	<b>4.286.982.250</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.998.468.525	5.998.468.525
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.581.022.425)	(1.711.486.275)
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>35.487.774.819</b>	<b>11.014.967.865</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	35.487.774.819	11.014.967.865
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>873.290.410.806</b>	<b>948.236.079.481</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>871.718.056.209</b>	<b>870.779.879.554</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>380.860.335.957</b>	<b>376.228.741.824</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	96.300.314.123	59.251.784.467
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		48.384.000	1.095.600.422
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	3.079.452.088	3.060.968.574
314	4. Phải trả người lao động		7.484.675.435	9.692.267.568
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.528.921.235	4.194.466.839
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	18.592.374	68.393.939
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	42.344.266.376	47.006.088.442
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	226.622.086.226	248.041.027.473
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.433.644.100	3.818.144.100
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>490.857.720.252</b>	<b>494.551.137.730</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	10.331.287.252	3.930.514.730
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	480.526.433.000	490.620.623.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.572.354.597</b>	<b>77.456.199.927</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>1.572.354.597</b>	<b>77.456.199.927</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		200.000.000.000	200.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200.000.000.000	200.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		82.932.721.854	82.932.721.854
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(281.360.367.257)	(205.476.521.927)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(205.476.521.927)	(106.864.122.468)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>873.290.410.806</b>	<b>948.236.079.481</b>

Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc


Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018





**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	558.845.017.673	532.185.914.046
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		558.845.017.673	532.185.914.046
11	4. Giá vốn hàng bán	24	598.149.058.887	549.744.804.080
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(39.304.041.214)	(17.558.890.034)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.237.962.722	7.631.558.741
22	7. Chi phí tài chính	26	30.393.500.687	52.821.763.757
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		30.300.520.231	40.966.344.084
25	8. Chi phí bán hàng	27	10.976.426.592	6.416.081.919
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	24.256.579.920	28.776.980.125
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(101.692.585.691)	(97.942.157.094)
31	11. Thu nhập khác	29	26.022.011.848	450.973.035
32	12. Chi phí khác	30	213.271.487	1.121.215.400
40	13. Lợi nhuận khác		25.808.740.361	(670.242.365)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(75.883.845.330)</u>	<u>(98.612.399.459)</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	(3.794)	(4.931)

  
Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

  
Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng

  
Vương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc



Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		577.731.326.643	554.707.395.498
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(458.449.877.959)	(404.791.163.937)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(72.467.005.776)	(73.501.438.549)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.636.438.306)	(30.643.109.294)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		23.821.950.425	16.937.880.362
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(41.884.746.684)	(39.932.468.509)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>20.115.208.343</i>	<i>22.777.095.571</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(314.774.450)	(1.382.837.561)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		199.500.000	471.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(60.854.960.395)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.883.747.596	45.254.375.193
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.000.000.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.000.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		46.563.062	2.181.277.700
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>20.815.036.208</i>	<i>(14.331.145.063)</i>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2017

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		97.983.292.003	289.289.308.631
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(127.787.611.469)	(326.220.127.562)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.900.000)	(8.775.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(29.808.219.466)</i>	<i>(36.939.593.931)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		11.122.025.085	(28.493.643.423)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.880.027.622	42.374.661.125
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.379.985)	(990.080)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>25.000.672.722</u>	<u>13.880.027.622</u>

Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2017*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

- Tại thời điểm 31/12/2017, lỗ lũy kế là 281.360.367.257 đồng (tại 31/12/2016 là 205.476.521.927 đồng), nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 230.136.377.722 đồng (tại 31/12/2016 là 224.748.095.509 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020, làm việc với các tổ chức tín dụng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn theo hướng giãn nợ, khoan nợ, miễn giảm lãi vay và mua bán nợ. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

- Trong năm 2017, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, chi phí hoạt động vận tải biển lại biến động tăng so với năm trước, dẫn đến tỷ lệ lãi gộp của hoạt động vận tải biển sụt giảm mạnh. Nguyên nhân chính là do rủi ro từ hoạt động giao thương, thời gian chờ xếp hàng (than xuất khẩu của Indonesia) và dỡ hàng (gạo nhập khẩu vào Philippines) quá lâu, phát sinh nhiều chi phí neo đậu cảng. Bên cạnh đó, tỷ trọng hàng nội địa (than, clinker) giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái do tình trạng neo chờ giải phóng hàng nội địa tại các đầu bến phía Nam chưa có nhiều cải thiện, giá cước không bù đắp được chi phí. Tình hình an ninh biển có bất ổn, ảnh hưởng tới tâm lý thuyền viên, buộc Công ty phải hủy một số hợp đồng vận chuyển đã ký và tìm kiếm đơn hàng khác bù đắp. Đồng thời giá nhiên liệu cao đột biến, cảng phí tăng và phát sinh các chi phí nhằm đảm bảo cho sự an toàn của đội tàu cũng làm cho kết quả kinh doanh trong năm giảm mạnh.

**Cấu trúc doanh nghiệp****Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại Đà Nẵng

Chi nhánh tại Quảng Ninh

Xí nghiệp dịch vụ vận tải

Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ

**Địa chỉ**

Hồ Chí Minh

Đà Nẵng

Quảng Ninh

Hải Phòng

Hải Phòng

**Hoạt động kinh doanh chính**

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ...

Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, ....

**2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY****2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## **2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

## **2.4 . Công cụ tài chính**

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

11  
BẢNG  
KẾ  
A  
KIỂM

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu)... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

5.  
TY  
HUU  
TTC  
GC  
TP

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính giữa niên độ tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                                   |         |     |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 06 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 | năm |
| - Phần mềm kế toán                | 03 - 06 | năm |



Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

### **2.11 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### **2.12 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### **2.13 . Vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### **2.14 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

### **2.15 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

### **2.16 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

**2.17 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.18 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

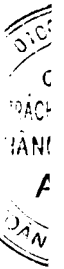
Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



**2.19 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.20 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**2.22 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.405.297.000	731.352.500
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.595.375.722	13.148.675.122
	<b><u>25.000.672.722</u></b>	<b><u>13.880.027.622</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	10.554.993.400	10.554.993.400	30.600.585.202	30.600.585.202
- Tiền gửi có kỳ hạn	10.554.993.400	10.554.993.400	30.600.585.202	30.600.585.202
	<b>10.554.993.400</b>	<b>10.554.993.400</b>	<b>30.600.585.202</b>	<b>30.600.585.202</b>

Tại 31/12/2017, đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị 10.554.993.400 VND, được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất theo từng thời kỳ.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào đơn vị khác	<b>5.998.468.525</b>	<b>232.406.100</b>	<b>(1.581.022.425)</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>101.942.250</b>	<b>(1.711.486.275)</b>
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam	1.276.000.000	201.600.000	(1.074.400.000)	1.276.000.000	61.200.000	(1.214.800.000)
- Các cổ phiếu niêm yết khác	537.428.525	30.806.100	(506.622.425)	537.428.525	40.742.250	(496.686.275)
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*)	4.185.040.000		-	4.185.040.000		-
	<b>5.998.468.525</b>	<b>232.406.100</b>	<b>(1.581.022.425)</b>	<b>5.998.468.525</b>	<b>101.942.250</b>	<b>(1.711.486.275)</b>

**Ghi chú:** Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch tại ngày 31/12/2017.

(\*): Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- EOL SHIPPING LIMITED	6.048.666.450	-
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	-	3.520.197.501
- Công ty TNHH đầu tư phát triển quốc tế Sơn Hà	4.338.704.000	3.850.170.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	20.400.007.629	31.829.183.081
	<b>30.787.378.079</b>	<b>39.199.550.582</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu	-	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần logistics NPL	270.864.000	-	-	-
- Công ty TNHH Vận tải Thành Đạt	306.681.600	-	-	-
- Công ty Cổ phần đóng tàu Biển Bắc	415.800.000	-	-	-
- Công ty TNHH Đại lý tàu biển phía Bắc	328.116.541	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	843.192.762	-	18.973.184	-
	<b>2.164.654.903</b>	<b>-</b>	<b>3.018.973.184</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.582.762.034	-	2.237.753.263	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	116.950.361	-	84.654.394	-
Tạm ứng	6.473.053.920	-	5.091.377.498	-
Các khoản chi hộ	1.130.394.566	-	1.103.319.653	-
Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
Phải thu tiền bảo hiểm trách nhiệm dân sự và thân tàu	1.870.108.504	-	2.642.995.315	-
Phải thu khác	964.711.980	-	797.265.717	-
	<b>20.480.468.939</b>	<b>-</b>	<b>19.299.853.414</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận	636.440.000	-	636.440.000	-
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	-	484.952.633	-
- Các khoản khác	306.782.121	-	259.306.742	-
	<b>1.428.174.754</b>	<b>-</b>	<b>1.380.699.375</b>	<b>-</b>

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	36.687.394.164	-	32.075.067.999	-
Hàng hoá	184.400.141	-	436.240.080	-
	<b>36.871.794.305</b>	<b>-</b>	<b>32.511.308.079</b>	<b>-</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container Hậu Phương Đình Vũ - Hải Phòng	91.957.200	91.957.200
	<b>91.957.200</b>	<b>91.957.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	27.640.267.350	130.752.694	1.639.703.211.140	334.154.249	1.667.808.385.433
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	286.564.500	-	-	-	286.564.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.137.555.704)	-	(1.137.555.704)
- Bàn giao cho Thành phố xây dựng dự án (*)	(3.116.863.975)	-	-	-	(3.116.863.975)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.809.967.875</b>	<b>130.752.694</b>	<b>1.638.565.655.436</b>	<b>334.154.249</b>	<b>1.663.840.530.254</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	14.824.507.587	102.757.303	871.214.580.231	305.014.461	886.446.859.582
- Khấu hao trong năm	1.067.132.930	4.285.716	96.520.555.102	12.318.180	97.604.291.928
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.137.555.704)	-	(1.137.555.704)
- Bàn giao cho Thành phố xây dựng dự án (*)	(1.642.340.004)	-	-	-	(1.642.340.004)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.249.300.513</b>	<b>107.043.019</b>	<b>966.597.579.629</b>	<b>317.332.641</b>	<b>981.271.255.802</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	12.815.759.763	27.995.391	768.488.630.909	29.139.788	781.361.525.851
Tại ngày cuối năm	<b>10.560.667.362</b>	<b>23.709.675</b>	<b>671.968.075.807</b>	<b>16.821.608</b>	<b>682.569.274.452</b>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 669.732.762.289 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 71.855.283.210 VND.

(\*): Theo thông báo số 100/TB-UBND ngày 22/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thông báo về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về tiến độ xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ, Công ty Cổ phần vận tải biển Vinaship đã bàn giao mặt bằng 02 toà nhà 3 tầng, 4 tầng tại số 1 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng cho nhà thầu thi công.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

**13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2017 là 5.785.803.477 đồng.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	4.596.808.190	2.842.118.307
Chi phí nâng hạ chờ phân bổ	1.189.928.420	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	210.760.301	53.337.473
	<u><b>5.997.496.911</b></u>	<u><b>2.895.455.780</b></u>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	35.487.774.819	11.014.967.865
	<u><b>35.487.774.819</b></u>	<u><b>11.014.967.865</b></u>

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Cockett Marine	12.722.554.949	12.722.554.949	3.300.437.522	3.300.437.522
- BMS United Bunkers ( Asia) PTE LTD	5.259.585.643	5.259.585.643	7.179.448.184	7.179.448.184
- Glander International Bunkering	12.981.026.400	12.981.026.400	2.642.082.300	2.642.082.300
- KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	11.987.679.011	11.987.679.011	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	53.349.468.120	53.349.468.120	46.129.816.461	46.129.816.461
	<u><b>96.300.314.123</b></u>	<u><b>96.300.314.123</b></u>	<u><b>59.251.784.467</b></u>	<u><b>59.251.784.467</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	801.682	3.034.551.102	823.760.556	808.739.596	-	3.048.770.380
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	117.772.001	117.772.001	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.374.144.917	-	-	-	8.374.144.917	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	26.417.472	217.654.486	213.390.250	-	30.681.708
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	369.602.000	369.602.000	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.000.000	7.000.000	-	-
	<b>8.374.946.599</b>	<b>3.060.968.574</b>	<b>1.535.789.043</b>	<b>1.516.503.847</b>	<b>8.374.144.917</b>	<b>3.079.452.088</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	911.325.295	1.024.695.660
- Chi phí bảo hiểm phải trả	-	665.233.179
- Chi phí phải trả khác	617.595.940	2.504.538.000
	<b>1.528.921.235</b>	<b>4.194.466.839</b>

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng và bãi xe	18.592.374	68.393.939
	<b>18.592.374</b>	<b>68.393.939</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	2.194.182.623	2.714.231.145
- Bảo hiểm y tế	101.907.505	148.661.477
- Phải trả về cổ phần hoá	2.201.379.706	2.401.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.029.205.000
- Phải trả lãi vay	15.466.011.433	25.492.500.162
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	3.274.713.038	3.747.768.014
- Phải trả thuế TNCN	158.023.682	144.090.249
- Tiền bồi thường di dời trụ sở đợt 1 (*)	6.361.325.107	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.561.418.282	2.328.252.689
	<b>42.344.266.376</b>	<b>47.006.088.442</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Phải trả lãi vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt và Indovinabank	10.331.287.252	3.930.514.730
	<b>10.331.287.252</b>	<b>3.930.514.730</b>

(\*): Tiền bồi thường theo thông báo số 100/TB-UBND ngày 22/03/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty được bồi thường để bàn giao đất cho Thành phố thực hiện Dự án xây dựng cầu Hoàng Văn Thụ. Số tiền bồi thường nhận được sau khi bù trừ với các chi phí liên quan đến việc di dời và bàn giao đất. Đến thời điểm 31/12/2017, công tác di dời chưa được hoàn tất do Công ty chưa thực hiện xong các thủ tục để nhận vị trí đền bù mới.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ (*)
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>116.243.130.505</b>		<b>97.996.435.151</b>	<b>119.915.731.089</b>	<b>94.323.834.567</b>	
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	90.953.130.505		97.996.435.151	119.355.731.089	69.593.834.567	
- Vay cá nhân	25.290.000.000		-	560.000.000	24.730.000.000	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>131.797.896.968</b>		<b>81.461.780.500</b>	<b>80.961.425.809</b>	<b>132.298.251.659</b>	
	<b>248.041.027.473</b>		<b>179.458.215.651</b>	<b>200.877.156.898</b>	<b>226.622.086.226</b>	
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	622.418.519.968		153.870.980.500	163.464.815.809	612.824.684.659	
	<b>622.418.519.968</b>		<b>153.870.980.500</b>	<b>163.464.815.809</b>	<b>612.824.684.659</b>	
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(131.797.896.968)		(81.461.780.500)	(80.961.425.809)	(132.298.251.659)	
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>490.620.623.000</b>				<b>480.526.433.000</b>	

(\*) Hiện nay Công ty đang chưa xác định được khả năng trả nợ. Các khoản nợ vay Ngân hàng đang thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Thời hạn của hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017			Mục đích vay
				USD	VND	Tổng VND tương đương	
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng					69.593.834.567	
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0509/2016/HĐTDMRS ngày 26/07/2016	70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương	12 tháng kể từ ngày 21/7/2016	402.046,85	60.449.278.964	69.593.834.567	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
2	Vay các cá nhân khác					24.730.000.000	
	Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể	Không áp dụng	12 tháng	-	24.730.000.000	24.730.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
	<b>Tổng cộng</b>					<b>94.323.834.567</b>	

**Ghi chú:** Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
<b>1</b>	<b>Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng</b>				<b>101.885.450.000</b>			<b>-</b>	
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HỆTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HỆTD ngày 31/01/2007). Khoanh nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung 01B/2017/HỆTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006)	72.185.450.000	-	72.185.450.000	-	-	-	Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005
	Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HỆTDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HỆTD ngày 31/01/2007). Khoanh nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HỆTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017.	180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003)	29.700.000.000	-	29.700.000.000	-	-	-	Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước
<b>2</b>	<b>Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng</b>				<b>158.844.256.500</b>			<b>85.098.143.000</b>	
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009)	-	3.242.700,00	73.755.211.500	-	1.995.600,00	45.389.922.000	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

STT	Ngân hàng	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2017			Số dư nợ gốc phải trả trong năm tới			Mục đích vay
			VND	USD	Tổng VND tương đương	VND	USD	Tổng VND tương đương	
	Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung	132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009)	- 3.741.000,00		85.089.045.000	- 1.745.800,00		39.708.221.000	Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009
<b>3</b>	<b>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân</b>				<b>140.816.569.500</b>			<b>19.469.720.000</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTĐ-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung	180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025	- 6.191.100,00		140.816.569.500	- 856.000,00		19.469.720.000	Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998
<b>4</b>	<b>Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đông Đa</b>				<b>211.278.408.659</b>			<b>27.730.388.659</b>	
	Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011	180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011)	- 9.282.882,63		211.278.408.659	- 1.218.382,63		27.730.388.659	Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT
	<b>Tổng cộng</b>				<b>612.824.684.659</b>			<b>132.298.251.659</b>	

**Ghi chú:** Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

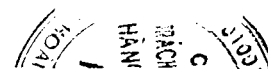
**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(106.864.122.468)	176.068.599.386
Lỗ trong năm trước	-	-	(98.612.399.459)	(98.612.399.459)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(205.476.521.927)	77.456.199.927
Lỗ trong năm nay	-	-	(75.883.845.330)	(75.883.845.330)
Số dư cuối năm nay	200.000.000.000	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	102.000.000.000	51,00%	102.000.000.000	51,00%
Nguyễn Quang Dũng	10.003.500.000	5,00%	-	0,00%
Các cổ đông khác	87.996.500.000	44,00%	98.000.000.000	49,00%
	200.000.000.000	100%	200.000.000.000	100%



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	20.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	82.932.721.854	82.932.721.854
	<b>82.932.721.854</b>	<b>82.932.721.854</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	426.516,66	313.948,70

**b) Nợ khó đòi đã xử lý**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	463.873.138.400	424.329.876.172
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	94.971.879.273	107.856.037.874
	<b>558.845.017.673</b>	<b>532.185.914.046</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động vận tải biển	510.251.626.546	451.211.924.208
Giá vốn của dịch vụ khác đã cung cấp	87.897.432.341	98.532.879.872
	<b>598.149.058.887</b>	<b>549.744.804.080</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	884.711.656	2.001.738.717
Cổ tức, lợi nhuận được chia	40.007.200	7.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	951.776.715	5.629.813.024
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.361.467.151	-
	<b>3.237.962.722</b>	<b>7.631.558.741</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	30.300.520.231	40.966.344.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	222.988.325	5.071.624.646
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	6.659.027.351
Dự phòng/ hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(130.463.850)	117.631.250
Chi phí tài chính khác	455.981	7.136.426
	<b>30.393.500.687</b>	<b>52.821.763.757</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Hoa hồng phí cho các tàu	10.976.426.592	6.416.081.919
	<b>10.976.426.592</b>	<b>6.416.081.919</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.065.570.587	617.633.183
Chi phí nhân công	16.440.071.739	17.003.015.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	374.374.536	358.686.719
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	23.568.000
Chi phí dự phòng	47.475.379	1.380.699.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.628.639.912	6.567.820.244
Chi phí khác bằng tiền	1.694.447.767	2.825.557.317
	<b>24.256.579.920</b>	<b>28.776.980.125</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	156.363.636	438.329.538
Thu nhập từ lãi vay ngân hàng được khoan nợ, xóa nợ (*)	25.492.500.162	-
Thu nhập khác	373.148.050	12.643.497
	<b>26.022.011.848</b>	<b>450.973.035</b>

(\*) Bao gồm thu nhập từ phần lãi vay được xóa nợ giai đoạn từ năm 2012 đến 30/06/2016 số tiền là 21.959.975.080 VND và thu nhập từ phần lãi vay được khoan nợ giai đoạn từ 01/07/2016 đến 31/12/2016 số tiền là 3.532.525.082 VND theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01B/2017/HĐTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 02B/2017/HĐTDSĐBS-NHPT ngày 31/12/2017 của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng.

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	4.000.000	-
Cãng phí các tàu cũ đã bán	-	815.481.143
Chi phí khác	209.271.487	305.734.257
	<b>213.271.487</b>	<b>1.121.215.400</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
Các khoản điều chỉnh tăng	48.751.130	60.533.312
- Chi phí không hợp lệ	47.000.000	24.000.000
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	1.751.130	36.533.312
Các khoản điều chỉnh giảm	(272.097.148.020)	(173.505.274.673)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(40.007.200)	(7.000)
- Chuyển lỗ các năm trước	(272.057.140.820)	(173.505.267.673)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(347.932.242.220)	(272.057.140.820)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(8.374.144.917)	(8.374.144.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>(8.374.144.917)</b>	<b>(8.374.144.917)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(75.883.845.330)	(98.612.399.459)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(3.794)</b>	<b>(4.931)</b>

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	208.045.046.754	149.596.181.851
Chi phí nhân công	81.627.889.598	80.874.328.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.604.291.928	97.656.783.202
Chi phí dịch vụ mua ngoài	239.559.921.783	247.360.550.377
Chi phí khác bằng tiền	6.497.439.957	8.069.322.831
Chi phí dự phòng	47.475.379	1.380.699.375
	<b>633.382.065.399</b>	<b>584.937.866.124</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.000.672.722	-	13.880.027.622	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	51.267.847.018	(1.428.174.754)	58.499.403.996	(1.380.699.375)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.554.993.400	-	30.600.585.202	-
Đầu tư dài hạn	5.998.468.525	(1.581.022.425)	5.998.468.525	(1.711.486.275)
	<b>92.821.981.665</b>	<b>(3.009.197.179)</b>	<b>108.978.485.345</b>	<b>(3.092.185.650)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			707.148.519.226	738.661.650.473
Phải trả người bán, phải trả khác			148.975.867.751	110.188.387.639
Chi phí phải trả			1.528.921.235	4.194.466.839
			<b>857.653.308.212</b>	<b>853.044.504.951</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	4.417.446.100	-	4.417.446.100
	-	<b>4.417.446.100</b>	-	<b>4.417.446.100</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	4.286.982.250	-	4.286.982.250
	-	<b>4.286.982.250</b>	-	<b>4.286.982.250</b>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	25.000.672.722	-	-	25.000.672.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.839.672.264	-	-	49.839.672.264
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.554.993.400	-	-	10.554.993.400
	<b><u>85.395.338.386</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>85.395.338.386</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.880.027.622	-	-	13.880.027.622
Phải thu khách hàng, phải thu khác	57.118.704.621	-	-	57.118.704.621
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.600.585.202	-	-	30.600.585.202
	<b><u>101.599.317.445</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>101.599.317.445</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	226.622.086.226	316.253.377.500	164.273.055.500	707.148.519.226
Phải trả người bán, phải trả khác	138.644.580.499	10.331.287.252	-	148.975.867.751
Chi phí phải trả	1.528.921.235	-	-	1.528.921.235
	<b><u>366.795.587.960</u></b>	<b><u>326.584.664.752</u></b>	<b><u>164.273.055.500</u></b>	<b><u>857.653.308.212</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Vay và nợ	248.041.027.473	304.345.039.000	186.275.584.000	738.661.650.473
Phải trả người bán, phải trả khác	106.257.872.909	3.930.514.730	-	110.188.387.639
Chi phí phải trả	4.194.466.839	-	-	4.194.466.839
	<b>358.493.367.221</b>	<b>308.275.553.730</b>	<b>186.275.584.000</b>	<b>853.044.504.951</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Riêng đối với các khoản vay, Công ty chưa xác định khả năng trả nợ, hiện tại các khoản nợ vay Ngân hàng đang thực hiện cơ cấu lại theo chỉ đạo của Chính phủ về tái cơ cấu tài chính tại Vinalines giai đoạn 2017-2020.

**35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	97.983.292.003	289.289.308.631
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	127.787.611.469	326.220.127.562

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	463.873.138.400	94.971.879.273	558.845.017.673
Chi phí bộ phận trực tiếp	510.251.626.546	87.897.432.341	598.149.058.887
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(46.378.488.146)</b>	<b>7.074.446.932</b>	<b>(39.304.041.214)</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	286.564.500	286.564.500
Tài sản bộ phận trực tiếp	768.985.321.286	29.921.085.650	798.906.406.936
Tài sản không phân bổ	-	-	74.384.003.870
<b>Tổng tài sản</b>	<b>768.985.321.286</b>	<b>29.921.085.650</b>	<b>873.290.410.806</b>
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	834.911.219.851	7.163.220.083	842.074.439.934
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	29.643.616.275
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>834.911.219.851</b>	<b>7.163.220.083</b>	<b>871.718.056.209</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Phường Minh Khai, Quận Hồng  
Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Theo khu vực địa lý**

	Trong nước	Quốc tế	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	440.935.680.718	117.909.336.955	558.845.017.673
Tài sản bộ phận	623.334.600.420	249.955.810.386	873.290.410.806
Tổng chi phí mua TSCĐ	286.564.500	-	286.564.500

**38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Cổ tức phải trả</b>		<b>9.400.000.000</b>	<b>9.400.000.000</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	9.400.000.000	9.400.000.000
<b>Phải trả về cổ phần hóa</b>		<b>2.201.379.706</b>	<b>2.401.379.706</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	Công ty mẹ	2.201.379.706	2.401.379.706

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	465.447.455	485.057.675
Thu nhập của Hội đồng quản trị và người quản lý khác	1.480.287.585	1.598.133.510

**39 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Nguyễn Bảo Ngọc  
Người lập

Trần Thị Thanh Hương  
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 01 tháng 02 năm 2018